

Tạm thu học phí đào tạo tại trường Đại học Luật - ĐHQGHN năm học 2023-2024

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3499/QĐ-ĐHQGHN ngày 20/09/2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Công văn số 5459/BGDĐT-KHTC ngày 02/10/2023 về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2023-2024;

Trường Đại học Luật Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo tạm thu học phí năm học 2023-2024 như sau: [\(Văn bản kèm theo\)](#)

Hệ đào tạo	Mức thu/tháng	Khung chương trình (TC)	Mức thu/TC)
I. Đối với người Việt Nam (Đơn vị tính: VNĐ)			
1. Cử nhân chính quy - ngành Luật và Luật KD			
1.1. Khóa QH-2018-L(K63) trở về trước			382,000
1.2. Khóa QH-2019-L(K64)	1,375,000	144	382,000
1.3. Khóa QH-2020-L(K65)	1,375,000	144	382,000
1.4. Khóa QH-2021-L(K66)	1,375,000	144	382,000
1.5. Khóa QH-2022-L(K67)	1,375,000	145	379,000

1.6. Khóa QH-2023-L (Luật học K68)	2,125,000	145	586,000
1.7. Khóa QH-2023-L (Luật kinh doanh K68)	2,250,000	145	621,000
2. Cử nhân chính quy - ngành Luật TMQT			
2.1. Khóa QH-2019-L(K64)	1,375,000	140	393,000
2.2. Khóa QH-2020-L(K65)	1,375,000	140	393,000
2.3. Khóa QH-2021-L(K66)	1,375,000	140	393,000
2.4. Khóa QH-2022-L(K67)	1,375,000	140	393,000
2.5. Khóa QH-2023-L (K68)	2,125,000	140	607,000
3. Cử nhân chính quy CLC theo TT 23			
3.1. Khóa QH-2018-L(K63) trở về trước	3,500,000	165	848,500
3.2. Khóa QH-2019-L(K64)	3,500,000	159	880,500
3.3. Khóa QH-2020-L(K65)	3,500,000	159	880,500
Hệ đào tạo	Mức thu/tháng	Khung chương trình (TC)	Mức thu/TC
3.4. Khóa QH-2021-L(K66)	3,500,000	159	880,500
3.5. Khóa QH-2022-L(K67)	3,500,000	160	875,000
4. Khóa QH-2023-L (K68)	2,500,000	160	625,000
5. Cử nhân vừa làm vừa học			
5.1. Cử nhân VLVH bằng 2 QH- 2021 trở về trước	2,062,500	108	488,000
5.2. Cử nhân VLVH bằng 1 QH - 2020	2,062,500	140	663,000
5.3. Cử nhân VLVH bằng 1 QH - 2021	2,062,500	140	663,000
5.4. Cử nhân VLVH bằng 2 QH - 2022	2,062,500	105	589,000
5.5. Cử nhân VLVH bằng 2 QH - 2023	3,081,250	105	880,000
6. Cử nhân bằng kép			
6.1. Cử nhân bằng kép 2022 trở về trước			470,000

6.2. Cử nhân bằng kép 2023 ngành Luật học			586,000
6.3. Cử nhân bằng kép 2023 ngành Luật kinh doanh			621,000
7. Thạc sĩ			
7.1. Khóa QH2021/K27 về trước	2,062,500	64	645,000
7.2. Khóa QH2022/K28	2,062,500	60	688,000
7.3. Khóa QH2023/K29	3,081,250	60	1,027,000
8. Nghiên cứu sinh			
8.1. Nghiên cứu sinh từ cử nhân			
8.1.1. Nghiên cứu sinh khóa tuyển sinh 2022 trở về trước	3,437,500	133	1,034,000
8.1.2. Nghiên cứu sinh khóa tuyển sinh 2023	4,781,250	120	1,594,000
8.2. Nghiên cứu sinh từ thạc sĩ			
8.2.1. Nghiên cứu sinh khóa tuyển sinh 2022 về trước	3,437,500	93	1,109,000
8.2.2. Nghiên cứu sinh khóa tuyển sinh 2023	4,781,250	90	1,594,000
II. Đối với người nước ngoài (Đơn vị tính: USD)			
1. Cử nhân chính quy hệ chuẩn			166
2. Cử nhân chính quy hệ CLC theo TT 23 khóa tuyển sinh 2022 trở về trước			264
3. Cử nhân chính quy hệ CLC khóa tuyển sinh 2023			221
4. Thạc sĩ			250
5. Nghiên cứu sinh			416

Lưu ý:

1. Mức học phí nêu trên được thu 10 tháng/năm, chia làm hai kỳ.

2. Mức học phí của sinh viên chính quy, bằng kép, văn bằng hai được thu theo tổng số tín chỉ đăng ký học trong kỳ.
3. Mức học phí đối với người nước ngoài được quy đổi ra VNĐ tại thời điểm tính học phí.
4. Mức học phí học lại, cải thiện điểm, học tích lũy tín chỉ bằng mức học phí nêu trên
5. Mức học phí kéo dài thời gian học tập đối với Học viên cao học và Nghiên cứu sinh được tính theo tháng bằng mức học phí nêu trên, trên cơ sở Quyết định kéo dài hàng năm do Phòng ĐT & CTHSSV cung cấp cụ thể như sau:

5.1. Gia hạn từ 01/01/2023 đến 30/6/2023: Tính theo mức học phí năm học 2022-2023

5.2. Gia hạn từ 01/07/2023 đến 31/12/2023: Tính theo mức học phí năm học 2023-20